

Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Trà My, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Xuân H, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Bùi Sỹ Ng, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Võ Thị Xuân H và anh Bùi Sỹ Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Xuân H và anh Bùi Sỹ Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Tuấn Ng, sinh ngày 20/3/2013 và Bùi Phương Ngh, sinh ngày 22/8/2019. Giao cả hai cháu Bùi Tuấn Ng và Bùi Phương Ngh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Bùi Sỹ Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bùi Tuấn Ng, sinh ngày 20/3/2013 mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu

Ng đủ 18 tuổi. (Chị Võ Thị Xuân H là mẹ ruột đại diện nhận số tiền trên).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: Chị Võ Thị Xuân H tự nguyện chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) và mức án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị Võ Thị Xuân H đã nộp theo biên lai thu số: 0011507 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- UBND xã T, huyện B, Quảng Nam
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Chi